

TRÍCH BIÊN BẢN HỌP CƠ QUAN

Hôm nay, vào lúc 16 h 30 phút ngày 08/ 6 / 2023. Tại Trường tiểu học Chu Văn An chúng tôi gồm có:

I. Thành phần tham dự:

- Đ/c: Nguyễn Thị Hương - Chức vụ: Hiệu Trưởng – Chủ trì;
- Đ/c: Trần Thị Hải Lý - Thư ký;
- Tham dự 34/34 đ/c.

II. Nội dung cuộc họp:

- Đồng chí: Nguyễn Thị Hương thông qua Quyết định bổ sung dự toán NSNN năm 2023 về chế độ chính sách cho học sinh Nghị định số 81/2021/NĐ-CP năm 2023

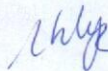
Quy định về công khai tài chính theo Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán thu chi theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính và công khai tại trụ sở làm việc của đơn vị. Thời điểm công bố từ ngày 08 /6/2023 đến 06/7 /2023.

Yêu cầu các đồng chí trong cơ quan thực hiện nghiêm túc và đúng quy định đề ra.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 16 giờ 45 phút cùng ngày, biên bản được đọc cho mọi người cùng nghe và thống nhất./.


THƯ KÝ



Trần Thị Hải Lý



CHỦ TRÌ



Nguyễn Thị Hương

Số: 02 /QĐ-CVA

Đắk Song, ngày 08 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

“Về việc công khai bổ sung chi ngân sách Nhà nước năm 2023”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TH CHU VĂN AN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 56/QĐ-PGD&ĐT ngày 05/ 06/ 2023 của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Song về việc phân bổ kinh phí thực hiện chế độ chính sách cho học sinh theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP tại các trường học công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai điều chỉnh, bổ sung chi ngân sách Nhà nước của đơn vị Trường tiểu học Chu Văn An (thông báo kèm theo).

Điều 2. Thông báo công khai được niêm yết tại trụ sở làm việc của đơn vị kể từ ngày 08 tháng 06 năm 2023 đến ngày 08 tháng 7 năm 2023 và thông báo rộng rãi cho cán bộ công chức trong đơn vị.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bộ phận kế toán và cán bộ công chức thuộc đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Phòng Tài chính – KH;
- Lưu VT.



Nguyễn Thị Hương



Biểu số: 02

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- hạnh phúc.

Đơn vị: Trường TH Chu Văn An
Chương: 622

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2023
(Dùng cho đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng kinh phí NSNN)

Đơn vị tính: 1 000đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán được giao	Ghi chú
A	DỰ TOÁN THU NĂM		
I	TỔNG THU		
1	Thu phí, lệ phí		
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
3	Thu viện trợ		
4	Thu sự nghiệp khác		
II	SỐ THU NỘP NS		
1	Thu phí, lệ phí		
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
3	Thu viện trợ		
4	Thu sự nghiệp khác		
III	SỐ ĐƯỢC ĐỀ LẠI CHI THEO CHẾ ĐỘ		
1	Thu phí, lệ phí		
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
B	DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2023		
1	Kinh phí tự chủ		
-	Chi thường xuyên		
	Lương và các khoản phụ cấp lương		
	Chi thường xuyên		
-	Trong đó tiết kiệm 10% thực hiện CCTL		
2	Kinh phí không tự chủ	16.500.000	
-	KP chế độ cấp bù học phí cho học sinh theo NĐ81/2021/NĐ-CP	16.500.000	
-			
-			

Số: 56/QĐ-PGD&ĐT

Đắk Song, ngày 05 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ kinh phí thực hiện các chế độ chính sách cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, Nghị định số 105/2020/NĐ-CP và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ tại các trường học công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐẮK SONG

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1908/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ công tác của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Song;

Căn cứ Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1483/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song về việc phê duyệt phương án phân bổ dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023 cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song về việc phê duyệt danh sách các trường được hỗ trợ kinh phí ăn trưa, chế độ đối với giáo viên mầm non dạy lớp ghép, tăng cường tiếng việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số, chế độ hỗ trợ kinh phí tổ chức bữa ăn cho trẻ mầm non tại bon đặc biệt khó khăn học kỳ I năm học 2022-2023 và truy lĩnh bổ sung học kỳ II năm học 2021-2022 theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song về việc phê duyệt danh sách các trường được hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh học kỳ I năm học 2022-2023 và truy lĩnh bổ sung học kỳ II năm học 2021-2022 theo Nghị định số 86/2021/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song về việc phê duyệt danh sách các trường được hỗ trợ kinh phí ăn trưa, chế độ đối với giáo viên mầm non dạy lớp ghép, tăng cường tiếng việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số học kỳ II năm học 2022-2023 và truy lĩnh bổ sung học kỳ I năm học 2022-2023 theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 12/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song về việc phê duyệt danh sách các trường được hỗ trợ chi

phí học tập cho học sinh học kỳ II năm học 2022-2023 và truy lĩnh bổ sung học kỳ I năm học 2022-2023 theo Nghị định số 86/2021/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song về việc phê duyệt danh sách học sinh học kỳ II năm học 2022-2023 đủ điều kiện được hỗ trợ tiền ăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ;

Trên cơ sở thông báo kết quả thẩm tra phương án phân bổ kinh phí thực hiện các chế độ chính sách của sự nghiệp giáo dục năm 2023 của Phòng Tài chính – Kế hoạch tại Công văn số 99/TCKH-NS ngày 29/5/2023 và đề nghị của bộ phận Kế toán Phòng Giáo dục và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kinh phí thực hiện các chế độ chính sách cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, Nghị định số 105/2020/NĐ-CP và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ cho các đơn vị trường học công lập sử dụng ngân sách Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện với tổng số tiền: **3.495.680.000 đồng** (Bằng chữ: Ba tỷ, bốn trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo theo phụ lục số 02 đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách Nhà nước được giao năm 2023, yêu cầu thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các bộ phận chuyên môn, Kế toán phòng Giáo dục và Đào tạo và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- KBNN Đắk Song;
- Các đơn vị sử dụng NSNN;
- Lưu VT.



TRƯỞNG PHÒNG

Mai Trần Anh



PHỤ LỤC SỐ 02

ĐIỀU TOÁN CHI NSNN NĂM 2023

Trường Tiểu học Chu Văn An


Mã số sử dụng Ngân sách: 1091443

(Kèm theo Quyết định số: 56/2023/QĐ-PCĐ&ĐT ngày 05/6/2023 của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Song)

Chương: 622 Loại: 070 Khoản: 072

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Tổng số
I. Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	
- Học phí	
-	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	
- Học phí	
-	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước (622-070-072)	16.500.000
1. Giáo dục, đào tạo, dạy nghề	16.500.000
1.1 Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
<i>Trong đó tiết kiệm 10% điều chỉnh tiền lương</i>	
1.2 Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	16.500.000
<i>Trong đó tiết kiệm 10% điều chỉnh tiền lương</i>	
2. Quản lý hành chính	
2.1 Kinh phí thực hiện tự chủ	
<i>Trong đó: kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương</i>	
2.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	
<i>Trong đó: kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương</i>	
3. Nghiên cứu khoa học	
3.1 Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
<i>Trong đó: kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương</i>	
3.2 Kinh phí thường xuyên	
<i>Trong đó: kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương</i>	
3.3 Kinh phí không thường xuyên	
<i>Trong đó: kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương</i>	
4. ...	



	Tên đơn vị	Dự toán năm 2023
	Trường TH Chu Văn An	16.500.000
	KP không thường xuyên	16.500.000
+	KP hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	16.500.000
	<i>Trong đó tiết kiệm 10% thực hiện CCTL:</i>	

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt danh sách các trường được hỗ trợ chế độ chi phí học tập cho học sinh học kỳ II năm học 2022-2023 và truy lĩnh bổ sung chế độ học kỳ I, năm học 2022-2023 theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Theo đề nghị của Phòng Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 25/TTr-PGDĐT ngày 07/4/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách các trường được hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh học kỳ II, năm học 2022-2023 và truy lĩnh bổ sung chế độ hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I, năm học 2022-2023, với số tiền: **1.836.900.000 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ, tám trăm ba mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng), cụ thể như sau:

- Chế độ hỗ trợ chi phí học tập học kỳ II, năm học 2022-2023: 2.382 đối tượng, với số tiền: 1.786.500.000 đồng;

- Truy lĩnh bổ sung chế độ hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I, năm học 2022-2023: 84 đối tượng, với số tiền: 50.400.000 đồng.

(cụ thể có danh sách chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện, Kho bạc Nhà nước Đắk Song, Hiệu trưởng các trường có liên quan thực hiện giải quyết các chế độ chính sách đúng đối tượng và thanh quyết toán theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Song, thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các trường có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, Các CT UBND huyện;
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



han
Nguyễn Ngọc Thân

ỦY BAN NHÂN DÂN ĐẮK SÔNG TỈNH ĐẮK SÔNG
HUYỆN ĐẮK SÔNG
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**TỔNG HỢP DANH SÁCH TRƯỜNG ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023
 VÀ BỔ SUNG CHI PHÍ HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 81/2021/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Quyết định số 371 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song)

ĐVT: Đồng

TT	Chi tiêu	Kết quả thực hiện hỗ trợ chi phí học tập				Tổng cộng
		Số đối tượng	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I năm học 2022-2023	Số đối tượng	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập học kỳ II năm học 2022-2023	
I	Trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ	1	600,000	5	3,750,000	4,350,000
	BẠC TIỂU HỌC			3	2,250,000	2,250,000
I	Trường TH Trương Vương		-	3	2,250,000	2,250,000
	BẠC TRUNG HỌC CƠ SỞ	1	600,000	2	1,500,000	2,100,000
I	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	1	600,000	2	1,500,000	2,100,000
II	Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông bị khuyết tật	1	600,000	5	3,750,000	4,350,000
	BẠC TIỂU HỌC			1	750,000	750,000
I	Trường TH Nguyễn Viết Xuân		-	1	750,000	750,000
	BẠC TRUNG HỌC CƠ SỞ	1	600,000	4	3,000,000	3,600,000
I	Trường THCS Lê Quý Đôn		-	3	2,250,000	2,250,000
2	Trường THCS Lý Thường Kiệt	1	600,000	1	750,000	1,350,000



III Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông thuộc hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ		14	866	649,500,000	657,900,000
BẮC MÃM NON		6	168	126,000,000	129,600,000
Các trường công lập		6	149	111,750,000	115,350,000
1	Trường MN Hòa Mỹ	-	27	20,250,000	20,250,000
2	Trường MN Tạ Thị Kiều	1	8	6,000,000	6,600,000
3	Trường MN Hoa Mai	-	17	12,750,000	12,750,000
4	Trường MN Hương Dương	-	32	24,000,000	24,000,000
5	Trường MN Vành Khuyên	1	1	750,000	1,350,000
6	Trường MN Sơn Ca	-	4	3,000,000	3,000,000
7	Trường MN Hoa Sen	-	3	2,250,000	2,250,000
8	Trường MN Hoa Hồng	-	36	27,000,000	27,000,000
9	Trường MN Hoa Ban	4	21	15,750,000	18,150,000
	Các cơ sở giáo dục MN ngoài công lập	-	19	14,250,000	14,250,000
1	Trường MN Tư Thực An Thành	-	4	3,000,000	3,000,000
2	Trường MN Tư Thực Ánh Dương	-	3	2,250,000	2,250,000
3	Nhóm trẻ độc lập tư thực Gà Con	-	2	1,500,000	1,500,000
4	Trường MNTT Tuổi Ngọc	-	2	1,500,000	1,500,000
5	Nhóm trẻ, lớp MG độc lập Bé Yêu	-	2	1,500,000	1,500,000
6	Lớp MGDL Tư Thực Thảo Nguyên Xanh	-	1	750,000	750,000
7	Nhóm trẻ, lớp MG độc lập Sơn Ca	-	1	750,000	750,000
8	Nhóm trẻ, lớp MG độc lập tư thực Hòa Mỹ	-	4	3,000,000	3,000,000
BẮC TIÊU HỘC		6	456	342,000,000	345,600,000
1	Trường TH&THCS Bé Văn Đàn (bậc TH)	-	44	33,000,000	33,000,000
2	Trường TH Trần Quốc Toản	-	9	6,750,000	6,750,000
3	Trường TH Nguyễn Viết Xuân	-	29	21,750,000	21,750,000



4	Trường TH Kim Đồng	2	1,200,000	40	30,000,000	31,200,000
5	Trường TH Ngô Gia Tự		-	41	30,750,000	30,750,000
6	Trường TH Chu Văn An		-	22	16,500,000	16,500,000
7	Trường TH Nguyễn Đình Chiểu	3	1,800,000	25	18,750,000	20,550,000
8	Trường TH Lê Văn Tám	1	600,000	37	27,750,000	28,350,000
9	Trường TH Lê Đình Chinh		-	20	15,000,000	15,000,000
10	Trường TH Võ Thị Sáu		-	74	55,500,000	55,500,000
11	Trường TH Lương Thế Vinh		-	10	7,500,000	7,500,000
12	Trường TH Trưng vương		-	64	48,000,000	48,000,000
13	Trường TH Tô Hiệu		-	15	11,250,000	11,250,000
14	Trường TH Nguyễn Bình Khiêm		-	7	5,250,000	5,250,000
15	Trường TH Trần Hưng Đạo		-	19	14,250,000	14,250,000
	BẠC THCS	2	1,200,000	242	181,500,000	182,700,000
1	Trường THCS Nguyễn Tất Thành		-	28	21,000,000	21,000,000
2	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		-	28	21,000,000	21,000,000
3	Trường THCS Trần Phú	2	1,200,000	18	13,500,000	14,700,000
4	Trường THCS Lê Quý Đôn		-	17	12,750,000	12,750,000
5	Trường THCS Nguyễn Trãi		-	23	17,250,000	17,250,000
6	Trường THCS Nguyễn Du		-	64	48,000,000	48,000,000
7	Trường THCS Lý Thường Kiệt		-	41	30,750,000	30,750,000
8	Trường TH & THCS Bé Văn Đàn		-	23	17,250,000	17,250,000
IV	Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông ở thôn đặc biệt khó khăn	68	40,800,000	1,506	1,129,500,000	1,170,300,000
	Bạc Mầm non	1	600,000	329	246,750,000	247,350,000
1	Trường MN Tạ Thị Kiều		-	1	750,000	750,000
2	Trường MN Hướng Dương	1	600,000	85	63,750,000	64,350,000
3	Trường MN Hoa Hồng		-	237	177,750,000	177,750,000

4	Nhóm trẻ, lớp MG độc lập tu thực Tuổi Thơ			-	3	2,250,000	2,250,000
5	Nhóm trẻ, lớp MG độc lập Bé Yêu			-	1	750,000	750,000
6	Nhóm trẻ, lớp MG độc lập Sơn Ca			-	2	1,500,000	1,500,000
	Bậc tiểu học	60	36,000,000	773	579,750,000	615,750,000	
1	Trường TH Nguyễn Đình Chiểu	10	6,000,000	8	6,000,000	12,000,000	
2	Trường TH Lê Đình Chinh		-	12	9,000,000	9,000,000	
3	Trường TH Lê Văn Tám	19	11,400,000	188	141,000,000	152,400,000	
4	Trường TH Võ Thị Sáu		-	371	278,250,000	278,250,000	
5	Trường TH Trưng vương	31	18,600,000	194	145,500,000	164,100,000	
	Bậc THCS	7	4,200,000	404	303,000,000	307,200,000	
1	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		-	1	750,000	750,000	
2	Trường THCS Lê Quý Đôn		-	307	230,250,000	230,250,000	
3	Trường THCS Lý Thường Kiệt	7	4,200,000	96	72,000,000	76,200,000	
	TỔNG CỘNG	84	50,400,000	2,382	1,786,500,000	1,836,900,000	

(Bảng chữ: Một tỷ, tám trăm ba mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng).